|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  TRƯỜNG SƯ PHẠM  KHOA NGỮ VĂN  **‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾** |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

**Học phần: Cơ sở văn hoá Việt Nam**

1. **Thông tin tổng quát:**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Hà

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: làm việc trong khung thời gian của năm học, tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Ngữ văn, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh, 182, Lê Duẩn, TP. Vinh

Điện thoại, email: 0918345228, hantn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa Việt Nam, Văn học dân gian Việt Nam

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Trâm

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ.

Thời gian, địa điểm làm việc: làm việc trong khung thời gian của năm học, tại trường Đại học Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0834300982, [tramntt@vinhuni.edu.vn](mailto:tramntt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Văn học dân gian Việt Nam, Văn hóa Việt Nam

***1.2. Thông tin về học phần:***

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |
| --- | --- |
| - Tên học phần:Cơ sở văn hóa Việt Nam | |
| - Mã số học phần: LIT20001 | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản    Kiến thức chuyên ngành  x  Học phần chuyên về kỹ năng chung | Kiến thức cơ sở ngành  xxx  Kiến thức khác  Học phần đồ án tốt nghiệp |
| - Số tín chỉ: | 03 |
| + Số tiết lý thuyết: | 30 |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: | 09 |
| + Số tiết thực hành: |  |
| + Số tiết hoạt động nhóm: | 06 |
| + Số tiết tự học: | 90 |
| - Học phần học trước: | *Không* |
| - Học phần song hành: |  |

**2.** **Mô tả học phần**

Học phần *Cơ sở văn hóa Việt Nam* thuộc khối kiến thức đại cương, dạy cho sinh viên khối ngành Sư phạm xã hội và Khoa học xã hội & nhân văn, Luật và Giáo dục Quốc phòng. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hóa học, văn hóa Việt Nam, giúp sinh viên hiểu được quy luật hình thành và phát triển của văn hóa, qua đó, biết cách lí giải và đánh giá các hiện tượng văn hóa Việt Nam cụ thể.

**3.Mục tiêu học phần**

Học học phần này, sinh viên sẽ *hiểu* được những tri thức cơ bản, cần thiết về văn hóa Việt Nam (khái niệm, bản chất, đặc trưng, chức năng, cấu trúc, quy luật hình thành, phát triển) và vận dụng được tri thức đó vào phân tích, đánh giá, lí giải các hiện tượng văn hóa cụ thể (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội, không gian văn hóa, thời gian văn hóa…). Học phần còn *hình thành* ở người học tư duy phản biện, tư duy hệ thống về các vấn đề văn hóa; *nhận biết* được những tác động, ảnh hưởng của bối cảnh văn hóa – xã hội đối với thực tiễn nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K3 | *Hiểu* được những kiến thức nền tảng về văn hóa hoc, văn hóa Việt Nam (khái niệm, bản chất, đặc trưng, chức năng, cấu trúc, quy luật hình thành, phát triển; các thành tố văn hóa, các giai đoạn văn hóa, các vùng văn hóa, vấn đề biến đổi văn hóa) | - Thuyết giảng  - Thảo luận nhóm | Câu hỏi TNKQ, rubric |
| CLO1.2 | K3 | *Phân tích, đánh giá, lí giải* các hiện tượng văn hóa Việt Nam cụ thể (văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội, không gian văn hóa, thời gian văn hóa…) | - Thuyết giảng  - Thảo luận nhóm | Câu hỏi TNKQ |
| CLO2.1 | S2 | *Phân tích, đánh giá* các hiện tượng văn hóa Việt Nam theo tính hệ thống; có ý thức phản biện các vấn đề, hiện tượng văn hóa Việt Nam. | - Thuyết giảng  - Thảo luận nhóm | Câu hỏi TNKQ |
| CLO2.2 | A2 | *Biết trân trọng* các giá trị văn hóa dân tộc | - Thuyết giảng | Câu hỏi TNKQ |
| CLO3.1 | S2 | *Thảo luận nhóm* về một số chủ đề của học phần | - Thảo luận | Rubric |
| CLO4.1 | C2 | *Nhận biết* (ban đầu) về ảnh hưởng, tác động của bối cảnh văn hóa đến thực tiễn nghề nghiệp | - Thuyết giảng  - Thảo luận | Câu hỏi TNKQ |

***4.2. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | | | |
| PLO1.1 | | PLO1.2 | | | PLO2.1 | | PLO2.1 | | PLO3.1 | | PLO4.1 | | |
| 1.1.1 | 1.1.2. | 1.2.1 | 1.2.2 | … | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.2.1 | … | 3.1.1 | 3.1.2 | 4.1.1 | 4.1.2 |  |
| CLO1.1 |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.1 |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ |  |  |  |  |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |
| A1.1 | CLO2.2 | Sự chuyên cần, thái độ học tập | Phiếu đánh giá  (bảng 1) | 10% |
| A1.2 | CLO1.1 | Câu hỏi TNKQ (Quiz) | 30 câu hỏi TNKQ (bảng 2) | 20% |
| A1.3 | CLO1.1  CLO2.1  CLO2.2  CLO3.1  CLO4.1 | Bài tập nhóm:  - Thảo luận nhóm về một chủ đề cho trước  - Thuyết trình trước lớp về một chủ đề cho trước | Phiếu đánh giá (bảng 3 và 4) | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |
| A2.1 | CLO1.1  CLO1.2  CLO1.3  CLO2.1 | Thi trắc nghiệm | Phiếu đánh giá  (bảng 4) | 50% |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2.1\*5)/10 | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần, thái độ học tập (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | - Nghe 100% bài giảng SCORM.  - Tham gia 100% các buổi học, trải nghiệm. | - Nghe trên 90% bài SCORM.  - Tham gia trên 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm. | - Nghe trên 80% bài SCORM;  - Tham gia 80% các buổi học, 100% các buổi trải nghiệm. | - Nghe dưới 80% bài SCORM;  - Tham gia dưới 80% các buổi học, trải nghiệm. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: …………………………………………………)*** | | | | |

**Bảng 2. Rubric câu hỏi TNKQ phân theo mức độ (A1.2)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ phân tích/ tổng hợp** | **Mức độ vận dụng** |
| 1 | Khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật | 14 | 6 | 5 | 3 | - |
| 2 | Bản chất,đặc trưng, chức năng của văn hóa | 14 | 6 | 5 | 3 | - |
| 3 | Cấu trúc của hệ thống văn hóa | 14 | 6 | 5 | 3 | - |
| 4 | Biến đổi văn hóa | 16 | 6 | 5 | 3 | 2 |
| 5 | Văn hoá Việt Nam và cách tiếp cận văn hoá Việt Nam | 10 | 5 | 4 | 1 | - |
| 6 | Giai đoạn hình thành nền tảng của văn hóa Việt Nam | 32 | 15 | 10 | 5 | 2 |
| **Tổng** | | **100** | **44** | **34** | **18** | **4** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **44%** | **34%** | **18%** | **4%** |

**Bảng 3. Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm (A1.3)**

**Tên học phần:**

**Lớp sinh viên:**

**Thời gian: Địa điểm:**

**Chủ đề/ Nội dung thảo luận:**

**Nhóm/ Sinh viên trình bày:**

**Nhóm/ Sinh viên đánh giá:**

**Giáo viên phụ trách:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **1** | **2** | **3** | **4** | **Điểm (M1)** |
| **Hoạt động chuẩn bị** | - Nội dung báo cáo chuẩn bị không đầy đủ.  - Không có kế hoạch công việc, không phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên trong nhóm  - Không có Hồ sơ nhóm | - Nội dung báo cáo chuẩn bị tương đối đầy đủ.  - Có kế hoạch công việc nhưng chưa phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên trong nhóm  - Có Hồ sơ nhóm nhưng còn sơ sài | - Nội dung báo cáo chuẩn bị khá đầy đủ.  - Có kế hoạch công việc và phân công nhiệm vụ khá rõ ràng cho từng thành viên trong nhóm  - Có Hồ sơ nhóm khá đầy đủ | - Nội dung báo cáo chuẩn bị đầy đủ.  - Có kế hoạch công việc và phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên trong nhóm  - Có Hồ sơ nhóm đầy đủ, cẩn thận. | **2** |
| **Nội dung** | - Trình bày không đúng trọng tâm vấn đề; hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng không rõ ràng, chính xác | - Trình bày tương đối đúng trọng tâm vấn đề nhưng hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng chưa rõ ràng, chính xác | - Trình bày khá đúng trọng tâm vấn đề; hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng khá rõ ràng, chính xác | - Trình bày đúng trọng tâm vấn đề; hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng rõ ràng, chính xác | **2** |
| **Phương pháp, phương tiện** | - Chủ yếu sử dụng PP thuyết trình  - Cách thuyết trình rời rạc, kém thuyết phục | - Có sử dụng và kết hợp một số phương pháp và phương tiện báo cáo nhưng chưa linh hoạt | - Sử dụng và kết hợp tương đối linh hoạt các phương pháp, phương tiện báo cáo | - Sử dụng và kết hợp tốt các phương pháp, phương tiện báo cáo | **2** |
| **Làm việc nhóm** | - Trưởng nhóm không điều hành được nhóm, các thành viên không tham gia tích cực  - Nhóm không đoàn kết, làm việc thiếu trách nhiệm | Trưởng nhóm điều hành tương đối linh hoạt, song các thành viên chưa tham gia tích cực  - Nhóm làm việc tương đối có trách nhiệm và đoàn kết, | Trưởng nhóm điều hành khá linh hoạt, các thành viên đều tham gia khá tích cực  - Nhóm làm việc có trách nhiệm và đoàn kết | Trưởng nhóm điều hành rất linh hoạt, sáng tạo, tất cả thành viên đều tham gia tích cực  - Nhóm làm việc có trách nhiệm và đoàn kết | **1** |
| **Giao tiếp với các nhóm khác** | - Chưa quan tâm đến các vấn đề, mà nhóm khác nêu ra  - Các ý kiến trả lời thiếu thuyết phục | - Tương đối quan tâm, chú ý đến các vấn đề mà nhóm khác nêu ra  - Các ý kiến trả lời chưa thuyết phục | - Khá quan tâm, chú ý đến các vấn đề mà nhóm khác nêu ra  - Các ý kiến trả lời tương đối thuyết phục | - Rất quan tâm, chú ý đến các vấn đề mà nhóm khác nêu ra  - Các ý kiến trả lời thuyết phục | **1** |
| **Kết quả** | - Các thành viên chưa nắm được vấn đề cần thực hiện và thực hiện chưa đúng, chưa đầy đủ công việc theo yêu cầu | - Các thành viên nắm tương đối vững vấn đề cần thực hiện và thực hiện tương đối đầy đủ công việc theo yêu cầu | - Các thành viên nắm khá vững vấn đề cần thực hiện và thực hiện đầy đủ công việc theo yêu cầu | - Các thành viên trong lớp nắm được chắc vấn đề cần thực hiện và thực hiện đúng, đầy đủ công việc theo yêu cầu | **2** |
| **Nhóm đánh giá:**  **Số người của nhóm tham gia đánh giá**: | | | | **Tổng số điểm:** | **10** |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá kết quả cuối kỳ***

**Bảng 4. Rubric câu hỏi thi trắc nghiệm cuối kì phân theo mức độ (A2.1)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ phân tích/ tổng hợp** | **Mức độ vận dụng** |
| 1 | Văn hóa và văn hóa học – Cách tiếp cận văn hóa Việt Nam | 80 | 30 | 25 | 15 | 10 |
| 2 | Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam | 100 | 40 | 35 | 15 | 10 |
| 3 | Cấu trúc văn hóa đa tộc người và các vùng văn hóa Việt Nam | 70 | 30 | 22 | 10 | 8 |
| 4 | Văn hóa và phát triển | 50 | 25 | 15 | 5 | 5 |
| **Tổng** | | **300** | **125** | **97** | **45** | **33** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100%** | **41,7%** | **32.3%** | **15%** | **11%** |

**6. Kế hoạch giảng dạy**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  **(1)** | **Nội dung**  **(2)** | **Hình thức tổ chức DH (3)** | **Chuẩn bị của SV (4)** | **CĐR học phần (5)** | **Bài đánh giá (6)** |
| **1**  **(3 tiết)** | **Chương 1 (18 tiết) Dẫn luận: Văn hóa và văn hóa học – Cách tiếp cận văn hóa Việt Nam**  *1.1. Khái niệm văn hóa*  1.1.1. Những định nghĩa về văn hóa  1.1.2. Khái niệm văn hóa và các khái niệm văn hiến, văn vật, văn minh | **GV:**  - Cung cấp đề cương chi tiết môn học; Giới thiệu môn học; phương pháp giảng dạy; phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo, lập nhóm zalo, facebook kết nối thành viên lớp, phân nhóm.  - Giảng bài, chiếu slide, vấn đáp...  **SV:**  - Nghiên cứu tài liệu, giáo trình/bài giảng của GV  - Trao đổi, nêu ý kiến | Đọc GT 1 từ trang 5 ->tr22, chuẩn bị ý kiến đánh giá  Đọc chương 1, TLTK 3 | CLO1.1  CLO4.1 | A1.2  A2.1 |
| **2**  **(3 tiết)** | *1.2. Bản chât, đặc trưng và chức năng của văn hoá*  1.2.1. Bản chất của văn hóa  1.2.2. Đặc trưng của văn hóa | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide  - SV tìm hiểu tài liệu, trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc GT 1 từ tr 14 ->22, chuẩn bị ý kiến thảo luận  Đọc chương 1, TLTK 3 | CLO1.1  CLO 2.1 | A1.2  A2.1 |
| **3**  **(3 tiết)** | * + 1. Chức năng của văn hóa   *1.3. Cấu trúc của hệ thống văn hoá*  1.3.1. Các thành tố của hệ thống văn hóa  1.3.2. Đơn vị văn hóa cộng đồng, loại hình kinh tế - văn hóa và khu vực lịch sử - văn hóa  1.3.3. Tính toàn vẹn (chỉnh thể) của hệ thống văn hóa – mô thức ứng xử - hệ giá trị - bản sắc văn hóa | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide  - SV tìm hiểu tài liệu, trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc GT 1 từ tr 22 ->28, Đọc chương 1, TLTK 3 | CLO1.1 | A1.2  A2.1 |
| **4**  **(3 tiết)** | *1. 4. Biến đổi văn hoá*  1.4.1. Quan hệ giữa tính ổn định và tính biến đổi của văn hóa  1.4.2. Những nhân tố chi phối sự biến đổi của văn hóa | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide  - SV tìm hiểu tài liệu, trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc GT 1 từ tr 28 ->32, chuẩn bị ý kiến thảo luận  Đọc chương 1, TLTK 3 | CLO1.1  CLO 2.1  CLO4.1 | A1.2  A2.1 |
| **5**  **(3 tiết)** | *Thuyết trình nhóm về chủ đề biến đổi văn hoá* | Các nhóm trình bày theo chủ đề đã được giao | Chuẩn bị nội dung để tham gia thuyết trình theo nhóm | CLO1.1  CLO 2.1  CLO3.1 | A 1.3  A 2.1 |
| **6**  **(3 tiết)** | 1.5. Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận văn hóa Việt Nam  1.5.1. Khái niệm văn hóa Việt Nam  1.5.2. Điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam  1.5.3. Vấn đề phân kì văn hóa Việt Nam | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide  - SV tìm hiểu tài liệu, trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc GT 1 từ tr 32 ->36, Đọc chương 1, TLTK 3 | CLO1.1  CLO4.1 | A1.2  A2.1 |
| **7**  **(3 tiết)** | **Chương 2 (15 tiết)**  **Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam**  2.1. Giai đoạn hình thành nền tảng của văn hóa Việt Nam  2.1.1. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử  2.1.2. Văn hóa Việt Nam thời sơ sử | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide, video về giai đoạn tiền sử, sơ sử của văn hoá Việt Nam.  - SV tìm hiểu tài liệu; trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc giáo trình 1 từ trang 36->58, giáo trình 2 từ trang 114->134, TLTK 1.  Chuẩn bị ý kiến thảo luận  Đọc giáo trình 1 từ trang 58 ->101, giáo trình 2 từ trang 134 ->163, TLTK 1. | CLO1.1  CLO3.1 | A1.2  A2.1 |
| **8**  **(3 tiết)** | 2.2. Giai đoạn văn hóa truyền thống  2.2.1. Văn hoá Việt Nam thời chống Bắc thuộc  2.2.2. Văn hoá Việt Nam thời Đại Việt  2.2.2.1. Bối cảnh lịch sử - xã hội và văn hóa thời Đại Việt  2.2.2.2. Văn hóa truyền thống của người Việt – văn hóa vật chất | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide, video về văn hoá vật chất của người Việt.  - SV tìm hiểu tài liệu; trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc giáo trình 1 từ trang 101 ->103, giáo trình 2 từ trang 163->183, TLTK 1.  Chuẩn bị ý kiến thảo luận  Đọc giáo trình 1 từ trang 58 ->101, giáo trình 2 từ trang 134 ->163, TLTK 1. | CLO1.1  CLO3.1 | A2.1 |
| **9**  **(3 tiết)** | 2.2.2.3. Văn hóa truyền thống của người Việt – văn hóa xã hội | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide, video về văn hoá tổ chức xã hội của người Việt.  - SV tìm hiểu tài liệu; trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc giáo trình 1 từ trang 143 ->166, giáo trình 2 từ trang 163->183, TLTK 1.  Chuẩn bị ý kiến thảo luận về tổ chức gia đình, làng xã của người Việt | CLO1.1  CLO3.1 | A2.1 |
| **10**  **(3 tiết)** | 2.2.2.4. Văn hóa truyền thống của người Việt – văn hóa tinh thần | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide, video về văn hoá tổ chức xã hội tinh thần của người Việt.  - SV tìm hiểu tài liệu; trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc giáo trình 1 từ trang 166 ->256, giáo trình 2 từ trang 134 ->163, TLTK 1,2.  Chuẩn bị thảo luận về phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt | CLO1.1  CLO3.1 | A2.1 |
| **11**  **(3 tiết)** | 2.4. Giai đoạn bước đầu hình thành nền văn hoá hiện đại 2.4.1. Thời kì từ 1858 đến 1945  2.4.2. Thời kì từ 1945 đến nay | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide, video về những biến đổi của văn hoá từ giai đoạn truyền thống sang hiện đại  - SV tìm hiểu tài liệu; trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc giáo trình 1 từ trang 266 ->285, giáo trình 2 từ trang 163->183, TLTK 3.  Chuẩn bị ý kiến thảo luận về những biến đổi của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại | CLO1.1  CLO3.1 | A2.1 |
| **12**  **(3 tiết)** | **Chương 3 (6 tiết): Cấu trúc văn hóa đa tộc người và các vùng văn hóa Việt Nam**  3.1. Khái quát về cấu trúc văn hóa đa tộc người và các vùng văn hóa Việt Nam  3.2. Các vùng văn hoá Việt Nam  3.2.1. Vùng văn hóa Tây Bắc và miền núi Bắc Trung bộ  3.2.2. Vùng văn hóa Việt Bắc  3.2. Các vùng văn hoá Việt Nam  3.2.3. Vùng văn hóa đồng bằng châu thổ Bắc bộ | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide, video về những biến đổi của văn hoá từ giai đoạn truyền thống sang hiện đại  - SV tìm hiểu tài liệu; trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc giáo trình 1 từ trang 285 ->292, giáo trình 2 từ trang 213->226, TLTK 4.  Chuẩn bị ý kiến thảo luận | CLO1.1  CLO2.2  CLO3.1 | A2.1 |
| **13**  **(3 tiết)** | 3.2.4. Vùng văn hóa đồng bằng ven biển Trung bộ  3.2.5. Vùng văn hóa Trường Sơn – Tây Nguyên  3.2.6. Vùng văn hóa đồng bằng châu thổ Nam bộ | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide, video về những biến đổi của văn hoá từ giai đoạn truyền thống sang hiện đại  - SV tìm hiểu tài liệu; trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc giáo trình 1 từ trang 292 ->312, giáo trình 2 từ trang 226 ->278, TLTK 4.  Chuẩn bị cho hoạt động nhóm | CLO1.1 | A2.1 |
| **14**  **(3 tiết)** | Thuyết trình nhóm về chủ đề bản sắc các vùng văn hoá Việt Nam | Các nhóm trình bày theo chủ đề đã được giao | Chuẩn bị nội dung để tham gia thuyết trình theo nhóm | CLO1.1  CLO3.1 | A 1.3  A2.1 |
| **15**  **(3 tiết)** | **Chương kết luận (3 tiết): Văn hóa và phát triển**  4.1. Những hằng số của văn hóa Việt Nam  4.2. Văn hóa và phát triển  4.3. Xu thế phát triển của văn hóa Việt Nam | - GV thuyết trình, hỏi - nêu vấn đề, trình chiếu slide  - SV tìm hiểu tài liệu; trả lời, thảo luận nội dung bài học | Đọc giáo trình 2 từ trang 278 ->281. TLTK 3. | CLO1.1  CLO2.2  CLO4.1 | A2.1 |

**7. Tài liệu học tập:**

***Giáo trình:***

[1] Chu Xuân Diên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2002.

[2] Trần Quốc Vượng chủ biên, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2020.

***Tài liệu tham khảo:***

[1] Đào Duy Anh (1992), *Việt Nam văn hóa sử cương*, tái bản, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Phan Kế Bính (2020), *Việt Nam phong tục*, Nxb Kim Đồng

[3] Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Ngô Đức Thịnh, *Bản sắc* *Văn hóa vùng ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, 2017.

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***- Dự lớp:*** Tuân thủ theo quy chế 2155/ĐHV và các quy định đối với hình thức đào tạo theo tín chỉ, tối thiểu có mặt ở lớp 36 tiết (80% số tiết có trong học phần). Số tiết vắng sẽ là một trong những căn cứ để giáo viên cho điểm “Thái độ, chuyên cần”.

***- Thảo luận, Bài tập:*** Các buổi thảo luận phải có bài chuẩn bị trước ở nhà, cuối buổi nộp lại sản phẩm để giáo viên chấm. Điểm của các bài thảo luận, tập giảng là căn cứ để giảng viên cho điểm Hồ sơ học phần.

***- Điểm giữa kì***: thi trắc nghiệm ở tuần thứ 7 của học kì (Nhà trường tổ chức).

***- Thi kết thúc học phần:*** Thi trắc nghiệm

***- Dụng cụ học tập:*** Theo yêu cầu cụ thể của giáo viên

**9. Ngày phê duyệt:** Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021.

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA/VIỆN** |  | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
|  |  |  |